

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/KDTM-ST

Ngày: 15/10/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Thành.

Các Thẩm phán: 1. Bà Hoàng Lan Phương.

2. Bà Lê Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án Kinh doanh thương mại số 13/2018/KDTM-ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐ-PT ngày 11/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐ-PT ngày 27/9/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty TNHH Đầu tư và phát triển thương mại BC**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế A, sinh năm 1979 - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 10 ngõ 116 phố K, phường P, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

1. Bà Đinh Thị Mai Hương - Là Luật sư Văn phòng Luật sư Phúc Thọ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (Có mặt).

2. Ông Bùi Sinh Quyền - Là Luật sư Văn phòng Luật sư Phúc Thọ, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (Có mặt).

Địa chỉ: Số 23 Hồ Đắc Di, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn: Công ty cổ phần quảng cáo DA.**

Địa chỉ: SN 432 phố Q, phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Trung T, Chức vụ: Giám đốc (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Ông Lê Trọng Hùng - là Luật sư Văn phòng Luật sư số 36, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội (Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn - Công ty cổ phần quảng cáo DA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn Thế A trình bày:

Ngày 27/2/2017 Công ty TNHH Đầu tư và phát triển thương mại BC (Gọi tắt là Công ty BC) và Công ty cổ phần quảng cáo DA (Gọi tắt là Công ty DA) đã ký hợp đồng mua bán số B170227/HĐMB-BCDA. Hợp đồng có nội dung: Công ty TNHH Đầu tư và phát triển thương mại BC nhận bán cho Công ty cổ phần quảng cáo DA 01 máy cắt Laser CO2 CNC Link-LXJ 1540-H260 của hãng Link technology Trung Quốc với giá 528.000.000 (Năm trăm hai mươi tám triệu đồng). Thời gian thanh toán như sau:

Đợt 1: Chuyển tiền đặt chế tạo và vận chuyển máy về đến Việt Nam chiếm 20% giá trị hợp đồng ($528.000.000đ \times 0,2 = 105.600.000đ$).

Đợt 2: Thanh toán 30% giá trị hợp đồng sau khi bên B bàn giao máy cho bên A tại xưởng của bên A. ($528.000.000đ \times 0,3 = 158.400.000đ$).

Đợt 3: Thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại trong vòng 06 tháng kể từ ngày bên B bàn giao máy cho bên A.

Thời gian giao hàng trong vòng 20 ngày làm việc kể từ khi chuyển tiền thanh toán đợt 1. Nếu bên B giao hàng chậm hơn thời gian giao hàng quá 15 ngày làm việc thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Thời gian bảo hành kỹ thuật: 24 tháng, ống phóng CO2 bảo hành 12 tháng. Toàn bộ sản phẩm được chính hãng Link bảo hành.

Chi phí cho việc bảo hành: Nếu lỗi kỹ thuật do nhà sản xuất gây ra, nhà sản xuất sẽ thay thế miễn phí một đổi một chi tiết, bộ phận bị hỏng. Nếu lỗi kỹ thuật do bên A gây ra thì bên A phải thanh toán cho bên B tiền mua chi tiết thay thế và phí dịch vụ nếu yêu cầu bên B trực tiếp xuống lắp đặt thay thế.

Ngoài ra hợp đồng còn quy định quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi ký hợp đồng, ngày 22/3/2017 Công ty DA đã chuyển số tiền theo quy định đợt 1 cho Công ty BC là 105.600.000đ.

Ngày 22/4/2017, nhân viên Công ty BC đã chuyển máy đến xưởng của Công ty DA ở Phố Q, phường Đ, thành phố Thanh Hóa lắp đặt. Ngày 26/4/2017 hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu và bàn giao máy, hướng dẫn cách vận hành máy cho nhân viên Công ty DA (Có biên bản bàn giao máy). Sau đó Công ty DA không thanh toán nốt số tiền còn lại theo hợp đồng. Công ty BC đã nhiều lần đề nghị Công ty DA thanh toán nốt số tiền còn lại nhưng Công ty DA vẫn không thanh Toán.

Công ty BC đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết những yêu cầu sau:

- Yêu cầu Công ty DA tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán số B170227/HĐMB-BCDA ký ngày 27/02/2017.

- Buộc Công ty DA thanh toán cho Công ty BC số tiền còn lại của Hợp đồng mua bán là 422.400.000đ.

- Yêu cầu tính lãi số tiền chậm trả trên theo mức lãi suất cho vay vào thời điểm hiện tại là 10%/năm, số tiền lãi phải trả của đợt 2 từ ngày 10/5/2017 đến ngày 11/6/2018 là 17.160.000, số tiền lãi phải trả đợt 3 từ 11/11/2017 đến ngày 11/6/2018 là 15.400.000đ. Lãi phải trả là 32.560.000đ.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Lương Trung Tuấn trình bày:

Ngày 27/02/2017 Công ty TNHH Đầu tư và phát triển thương mại BC và Công ty cổ phần quảng cáo DA đã ký hợp đồng mua bán số B170227/HĐMB-BCDA. Nội dung Hợp đồng đúng như bên Công ty BC đã trình bày. Sau khi ký hợp đồng, Công ty DA đã chuyển số tiền đặt cọc đợt đầu 105.600.000đ cho Công ty BC nhưng đến 2 tháng sau Công ty BC mới giao máy. Nghĩa là chậm 01 tháng so với Hợp đồng đã ký. Sau khi nhận máy, máy hoàn toàn không làm việc được nên Công ty DA đã ký vào biên bản nghiệm thu và bàn giao máy cắt ngày 26/4/2017 đề nghị thay thế cơ cấu truyền động dây đai bằng thanh răng bánh răng và vitmobi. Ông Nguyễn Thế A đã cam kết đổi máy fiber mới trong sáu tháng.

Do Công ty BC không tự sửa máy được nên đã thuê bên thứ ba là ông Đỗ Văn T ở huyện V, tỉnh Thái Bình sửa máy.

Tại biên bản nghiệm thu và bàn giao máy ngày 10/5/2017 có nội dung bên C đã thay thế cơ cấu truyền động dây đai sang cơ cấu truyền động thanh răng bánh răng và vitmobi theo đúng yêu cầu của bên A đúng các tiêu chuẩn. Công ty DA đã ký biên bản này mục đích là xác nhận bộ phận truyền động đã hoạt động bình thường nhưng thực tế máy vẫn chưa hoạt động được như hợp đồng hai bên đã ký. Công ty DA đã đề nghị Công ty BC mang máy đi và trả lại số tiền đặt cọc cho Công ty DA. Quan điểm của Công ty DA không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty BC về việc thanh toán nốt số tiền còn lại. Đối với khoản tiền lãi chậm thanh toán Công ty DA cũng không chấp nhận vì không vi phạm nghĩa vụ trả thanh toán.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử:

- Yêu cầu Công ty DA tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán số B170227/HĐMB-BCDA ký ngày 27/02/2017.

- Buộc Công ty DA thanh toán cho Công ty BC số tiền còn lại của Hợp đồng mua bán là 422.400.000đ.

- Yêu cầu tính lãi số tiền chậm trả trên theo mức lãi suất cho vào thời điểm hiện tại là 10%/năm, số tiền lãi phải trả của đợt 2 từ ngày 10/5/2017 đến ngày 11/6/2018 là 17.160.000, số tiền lãi phải trả đợt 3 từ 11/11/2017 đến ngày 11/6/2018 là 15.400.000đ. Lãi phải trả là 32.560.000đ.

Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 13/2018/KDTM-ST ngày 11/6/2018 của TAND Thành phố Thanh Hóa đã căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm 1 khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 4; Điều 44, Điều 50, khoản 5 Điều 297; Điều 306 Luật thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đầu tư và phát triển thương mại BC.

- Buộc Công ty cổ phần quảng cáo DA phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán số B170227/HĐMB-BCDA ký ngày 27/02/2017. Công ty cổ phần quảng cáo DA phải thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư và phát triển thương mại BC số tiền còn lại của Hợp đồng mua bán là 422.400.000đ và tiền lãi chậm trả 32.546.000đ. Tổng cộng: 454.946.000đ.

Công ty DA có quyền yêu cầu Công ty BC bảo hành máy trong thời gian còn bảo hành như hợp đồng hai bên đã thỏa thuận.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 22/6/2018 Công ty CP quảng cáo DA là bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 13/2018/KDTM-ST ngày 11/6/2018 của TAND Thành phố Thanh Hóa, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử lại vụ án, hủy bản án sơ thẩm.

Do hai bên không thỏa thuận được nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Luật sư bảo vệ quyền lợi của bị đơn cũng đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bác kháng cáo của Cty DA. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13 ngày 11/6/2018 về “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326 buộc đương sự chịu án phí KDTM phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thương mại đã ký kết giữa các bên đều cùng mục đích lợi nhuận, do vậy tranh chấp này được xác định là tranh chấp về kinh doanh, thương mại và quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” được quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nơi thực hiện hợp đồng là Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 điều 35; Điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm các bên không thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Chứng cứ các bên cung cấp không có gì khác với ở cấp sơ thẩm. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tính hợp pháp của kháng cáo*: Ngày 22/6/2018 Cty DA làm đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] *Về nội dung*: Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Sau khi ký hợp đồng, ngày 22/3/2017 Công ty DA đã chuyển tiền đợt 1 là 105.600.000đ cho Công ty BC. Ngày 26/4/2017 Công ty BC đã bàn giao máy cho Công ty DA. Hai bên đã lập biên bản nghiệm thu và bàn giao máy cắt. Trong biên bản có nội dung: Bên A đã bàn giao, lắp đặt, chạy thử, đào tạo, hướng dẫn sử dụng cho cán bộ kỹ thuật của bên B sản phẩm máy cắt Laser CO2 CNC Link Unich LXJ 1540-H260 với

các thông số kỹ thuật như trong Hợp đồng số B170227 ký ngày 27/2/2017. Toàn bộ thiết bị bàn giao mới 100%, nguyên đai, nguyên kiện, nguyên công theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Biên bản này là cơ sở cho việc thanh lý hợp đồng mua bán số B170227. Tại biên bản này Công ty DA đã đề nghị thay thế cơ cấu truyền động dây đai bằng thanh răng bánh răng và vitmobi. Công ty BC cam kết đổi máy Fiber mới trong sáu tháng. Đề nghị thay thế cơ cấu truyền động dây đai bằng thanh răng bánh răng và vitmobi của Công ty DA nằm ngoài nội dung của hợp đồng nhưng Công ty BC vẫn chấp nhận đề nghị này.

Ngày 28/4/2017 Công ty BC và Công ty DA đã ký hợp đồng ba bên về dịch vụ sửa chữa máy cắt Laser CO2 với bên sửa chữa máy là ông Đỗ Văn T về việc thay thế cơ cấu truyền động theo yêu cầu của Công ty DA.

Ngày 10/5/2017, Công ty BC, Công ty DA và ông Đỗ Văn T đã lập Biên bản nghiệm thu và bàn giao máy cắt. Nội dung biên bản thể hiện: Bên sửa chữa máy đã thực hiện thay thế cơ cấu truyền động dây đai sang cơ cấu truyền động thanh bánh răng và vitmobi theo đúng yêu cầu của Công ty DA;

Về chất lượng: Toàn bộ thiết bị được thay thế mới 100%. Công ty BC và bên sửa máy đã tổ chức chạy thử máy trước khi bàn giao cho Công ty DA. Việc chạy thử đã đảm bảo đúng theo yêu cầu của DA. Đồng thời bên sửa máy đã hướng dẫn sử dụng máy cho cán bộ kỹ thuật của DA. Biên bản này là cơ sở cho việc thanh lý Hợp đồng dịch vụ sửa chữa máy ngày 28/4/2017. Đại diện Công ty DA cũng đã ký nhận và không có ý kiến gì. Điều này thể hiện khi chạy thử và lập biên bản bàn giao máy, máy đã hoạt động như yêu cầu.

Sau khi ký biên bản nghiệm thu và bàn giao máy cắt ngày 10/5/2017, Công ty DA cho rằng máy không hoạt động được như trong hợp đồng đã ký nhưng Công ty DA không có văn bản nào phản hồi về việc máy không đạt yêu cầu như trong hợp đồng đối với Công ty BC. Công ty DA cũng không cung cấp được các tài liệu chứng minh việc máy không cắt được theo yêu cầu. Công ty DA cung cấp cho Tòa án các cuộc trao đổi giữa BC và DA qua hộp thư điện tử. Nội dung trao đổi giữa hai bên thể hiện DA có đề cập đến việc máy không đạt yêu cầu như trong hợp đồng còn BC cho rằng nhân viên của DA vận hành không đúng nên hỏng các bộ phận của máy. Nhưng hai bên không tiến hành lập biên bản về việc máy không hoạt động được như hợp đồng hai bên đã ký.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật thương mại, bên mua có quyền từ chối nhận hàng nếu hàng hóa không phù hợp với hợp đồng. Bên mua cũng có quyền kiểm tra hàng hóa trước khi nhận hàng theo quy định tại Điều 44 Luật thương mại. Tại khoản 4 Điều 44 Luật thương mại quy định: Bên bán không phải chịu trách nhiệm về những khiếm khuyết của hàng hóa mà bên mua hoặc đại diện của bên mua đã biết hoặc phải biết nhưng không thông báo cho bên bán trong thời hạn hợp lý sau khi kiểm tra hàng hóa. Tuy nhiên việc giao, nhận hàng giữa Công ty BC và Công ty DA đã hoàn tất.

Công ty DA khai rằng Công ty BC chuyển giao máy chậm 1 tháng so với hợp đồng. Tại Điều 3 Hợp đồng quy định BC phải giao hàng cho DA trong vòng 20 ngày làm việc kể từ khi DA thanh toán tiền đợt 1. Nếu BC giao hàng chậm hơn thời gian giao hàng 15 ngày làm việc thì DA có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong hồ sơ thể hiện, ngày 22/3/2017 Công ty DA chuyển tiền đợt 1, đến ngày 26/4/2018 Công ty BC bàn giao máy, nghĩa là sau 34 ngày kể từ khi nhận tiền. Thời hạn này không vượt quá thời hạn hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng nên Công ty BC không vi phạm thời gian giao hàng. Ngoài ra, khi Công ty BC bàn giao máy, Công ty DA vẫn nhận máy, không thắc mắc thời gian chậm giao hàng và không có yêu cầu hủy Hợp đồng.

Căn cứ vào Biên bản nghiệm thu và bàn giao máy cắt ngày 26/4/2017 và Biên bản nghiệm thu và bàn giao máy cắt ngày 10/5/2017 thì Công ty BC đã thực hiện việc bàn giao máy và đáp ứng các yêu cầu của Công ty DA như trong Hợp đồng mua bán số B170227 ngày 27/02/2017 mà hai bên đã ký. Do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty BC về việc yêu cầu Công ty DA tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán số B170227/HĐMB-BCDA ký ngày 27/02/2017 và Thanh toán cho Công ty BC số tiền còn lại của Hợp đồng mua bán là 422.400.000đ.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn:

Công ty DA cho rằng: Máy cắt Lazer CO2 CNC Link-LXJ 1540-H260 của hãng Link technology Trung Quốc không phù hợp với mục đích sử dụng thông thường, không đảm bảo chất lượng như chất lượng của mẫu hàng hóa mà bên bán đã giao cho bên mua.

Căn cứ vào bản Hợp đồng mà 2 bên ký kết thấy rằng: Máy đã bàn giao cho Công ty DA đúng như hợp đồng hai bên đã ký kết. Tuy nhiên, bên Công ty DA đề nghị thay dây đai bằng thanh răng bánh răng và vitmobi. Công ty BC đã thuê bên thứ 3 thay thế phụ tùng như yêu cầu của Công ty DA. Công ty DA cho rằng máy không hoạt động được, đề nghị Công ty BC mang máy đi và trả lại tiền đặt cọc cho Công ty DA.

Trong Hợp đồng không có điều khoản nào quy định: Máy không hoạt động được thì được trả lại, mà chỉ quy định quá thời gian giao hàng thì bên mua có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Mặt khác, hợp đồng quy định về thời gian bảo hành kỹ thuật: 24 tháng, ống phóng CO2 bảo hành 12 tháng.

Qua xem xét bản hợp đồng thì thấy: Hai bên ký kết hợp đồng đang còn sơ sài, chưa cụ thể, quyền và nghĩa vụ của các bên chưa được đảm bảo. Nếu máy không hoạt động được, bên Công ty DA có quyền yêu cầu Công ty BC bảo hành, nhưng Công ty DA cũng không yêu cầu Công ty BC bảo hành máy, mà với thái độ mặc kệ, để Công ty BC vào chở máy đi và trả lại tiền đặt cọc. Hai bên không có thái độ hợp tác, cùng khắc phục những tồn tại của máy cắt. Như vậy, thiệt hại xảy ra thì các bên phải chịu trách nhiệm.

Bởi các lẽ trên, Công ty DA đã nhận máy nhưng chưa trả tiền thì phải trả tiền và lãi suất cho Công ty BC là có căn cứ.

Công ty DA có quyền đề nghị Công ty BC bảo hành máy cho mình là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định và phân tích trên cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty cổ phần quảng cáo DA, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty cổ phần quảng cáo DA phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và án phí sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư và phát triển thương mại BC số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; Điều 38; Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 4; Điều 44, Điều 50, khoản 5 Điều 297; Điều 306 Luật thương mại.

Căn cứ: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần quảng cáo DA, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2018/KDTM-ST ngày 11/6/2018 của TAND Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đầu tư và phát triển thương mại BC.

Buộc Công ty cổ phần quảng cáo DA phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán số B170227/HĐMB- BCDA ký ngày 27/02/2017. Công ty cổ phần quảng cáo DA phải thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư và phát triển thương mại BC số tiền còn lại của Hợp đồng mua bán là 422.400.000đ (Bốn trăm, hai hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả 32.546.000đ (Ba hai triệu, năm trăm, bốn sáu nghìn đồng). Tổng cộng: 454.946.000đ (Bốn trăm, năm tư triệu, chín trăm, bốn sáu nghìn đồng).

Công ty DA có quyền yêu cầu Công ty BC bảo hành máy trong thời gian còn bảo hành như hợp đồng hai bên đã thỏa thuận.

Về án phí KDTM sơ thẩm: Công ty DA phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 22.197.840đ (Hai hai triệu, một trăm chín bảy nghìn, tám trăm bốn mươi đồng). Trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư và phát triển thương mại BC số tiền tạm ứng án phí 10.650.000đ (Mười triệu, sáu trăm, năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0004871 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Về án phí phúc thẩm: Công ty DA phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí KDTM phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số AA/2016/0005269 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao HN;
- VKSND cấp cao HN;
- TAND, VKSND, THADS TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Quốc Thành